

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

GS.TS Đỗ Kim Chung

Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội

Email: dokimchung.hua@gmail.com

Quản lý nhà nước về thuốc bảo vệ thực vật (TBVTV) là công việc trọng tâm của quản lý nhà nước trong nông nghiệp. Để làm được điều đó, cần phải nắm được cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý nhà nước về thuốc BVTV. Xuất phát từ yêu cầu đó, bài viết này tập trung thảo luận khái niệm, đặc điểm, 5 nội dung và 9 nhóm nhân tố ảnh hưởng đến hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước về thuốc BVTV. Mặt khác, bài báo cũng thảo luận kinh nghiệm quản lý nhà nước về thuốc BVTV của một số nước trong vùng để đề xuất những ngu ý chính sách cho Việt Nam về quản lý nhà nước về thuốc BVTV.

Từ khóa: Lý luận, Thực tiễn, Quản lý Nhà nước, Thuốc bảo vệ thực vật

Nông nghiệp càng phát triển thì việc sử dụng các đầu vào hóa chất, trong đó có thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) càng nhiều và đa dạng. Thuốc BVTV là một loại vật tư kỹ thuật quan trọng góp phần quản lý dịch hại đối với mùa màng. Theo Cục BVTV (2010), khối lượng thuốc BVTV dùng hàng năm hiện nay tăng gấp 4 lần so với giai đoạn 1985-1986. Hầu hết các thuốc BVTV sử dụng ở Việt Nam đều phải nhập khẩu từ nước ngoài. Hàng năm, Việt Nam nhập khẩu trên 70.000 tấn thành phẩm với trị giá 210-500 triệu USD. Thuốc BVTV rất độc hại cho con người và môi trường nếu công tác quản lý và sử dụng chưa tốt. Chỉ tính riêng trong năm 2009, nước ta đã có 4515 người bị nhiễm độc thuốc BVTV với 138 trường hợp tử vong (Cục Y tế dự phòng, 2009). Thực tế này đòi hỏi thuốc BVTV phải có sự quản lý chặt chẽ của Nhà nước ở tất cả các khâu thương mại, bảo quản và sử dụng. Để làm tốt công tác quản lý nhà nước về thuốc BVTV, cần phải nắm được cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý nhà nước về thuốc BVTV.

Xuất phát từ yêu cầu đó, nghiên cứu này được thực hiện. Mục tiêu cơ bản của nghiên cứu này bao

gồm: 1) Góp phần hệ thống hóa cơ sở luận và thực tiễn về quản lý nhà nước về thuốc bảo vệ thực vật; 2) Thảo luận thực tiễn quản lý nhà nước về thuốc bảo vệ thực vật của một số nước trên thế giới, đặc biệt là ở Châu Á, các nước có điều kiện tương tự như Việt Nam để từ đó, 3) Đưa ra được những bài học kinh nghiệm quản lý nhà nước về thuốc BVTV có thể áp dụng cho Việt Nam.

Các thông tin trình bày trong nghiên cứu này là được tổng hợp từ các tài liệu đã công bố của các cơ quan quản lý nhà nước về thuốc BVTV ở Việt Nam, các tổ chức quốc tế như Tổ chức Nông nghiệp và lương thực của Liên hợp quốc (FAO) và các quốc gia khác có điều kiện tương tự.

1. Một số vấn đề lý luận về quản lý nhà nước đối với thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất rau

1.1. Khái niệm về quản lý nhà nước đối với thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất rau

Quản lý nhà nước đối với thuốc BVTV được hiểu như hoạt động quản lý của cơ quan Nhà nước các cấp từ trung ương xuống tới xã, phường nhằm điều hành các hoạt động thương mại, sản xuất và kinh

doanh, bảo quản và sử dụng thuốc BVTV nhằm đạt được mục tiêu an toàn cho môi trường, con người và xã hội, hiệu quả cho sản xuất, đảm bảo cho nông nghiệp được phát triển bền vững. Các tổ chức, cơ sở, cá nhân sử dụng, kinh doanh thuốc BVTV đều phải tuân theo các quy định pháp luật của Nhà nước.

Nhà nước ban hành các văn bản, chính sách pháp luật quy định về quản lý thuốc BVTV, ban hành danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng, hạn chế sử dụng và cấm sử dụng. Quy định các điều kiện kinh doanh thuốc BVTV và ra các quy định trong sử dụng, cất giữ và xử lý thuốc BVTV nhằm đảm bảo an toàn, hiệu quả và bền vững. Nhà nước trung ương đóng một vai trò lớn trong quản lý thuốc BVTV. Nhà nước đưa ra các quy định và hệ thống giám sát kiểm tra trong việc kinh doanh và sử dụng thuốc BVTV. Việc thực hiện và triển khai các quy định từ Trung ương tới địa phương, từ địa phương tới người nông dân, doanh nghiệp, người tiêu dùng, nhằm tăng cường hiệu quả quản lý Nhà nước đối với thuốc BVTV, từ đó nâng cao năng suất cây trồng, thu nhập người nông dân ổn định hơn và đặc biệt là giảm thiểu các ca nhiễm độc do thuốc BVTV, bảo vệ sức khỏe của người dân, bảo vệ môi trường.

1.2. Đặc điểm của quản lý nhà nước đối với thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất rau

Thuốc BVTV đa dạng, phong phú về chủng loại mẫu mã nên phức tạp trong việc quản lý: Hiện nay trên thị trường thuốc BVTV ở nước ta có 1473 hoạt chất và 3581 thương phẩm các loại thuốc BVTV được phép sử dụng, 15 hoạt chất và 25 tên thương phẩm thuốc BVTV hạn chế sử dụng, 20 hoạt chất cấm sử dụng, và được chia ra thành nhiều nhóm thuốc như thuốc trừ sâu, thuốc trừ cỏ, thuốc trừ bệnh, thuốc trừ chuột, thuốc bảo quản... (Bộ NN và PTNT, 2012). Có những loại thuốc dùng được cho rất nhiều cây trồng nhưng lại có những loại thuốc chỉ được sử dụng trên một số loại cây trồng nhất định, gây khó khăn trong công tác quản lý. Đồng thời đặt ra cho nhà quản lý trách nhiệm hướng dẫn cho người sử dụng, người bán thuốc các loại thuốc phù hợp với từng loại cây trồng để buôn bán và sử dụng cho hợp lý. Các loại thuốc BVTV được các công ty hóa chất thay đổi mẫu mã thường xuyên, đòi hỏi cơ quan quản lý phải thường xuyên cập nhật thông tin cho phù hợp với thực tế.

Đối tượng quản lý Nhà nước là thuốc BVTV đa

phần được nhập khẩu: Ở nước ta, thuốc BVTV phần lớn là do công ty hóa chất nhập khẩu từ nước ngoài sau đó sang chai, đóng gói và cung cấp ra thị trường. Số lượng thuốc BVTV đa dạng về chủng loại, tuy nhiên không phải loại thuốc BVTV nào cũng an toàn, đúng tiêu chuẩn quy định, nhiều loại thuốc độc hại, dễ dẫn tới việc gây rủi ro cao nhưng lại có giá thành rẻ hơn, dẫn tới nhiều cá nhân vì chạy theo lợi nhuận mà bất chấp pháp luật nhập khẩu những loại thuốc cấm. Để có thể xác định danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng, hạn chế sử dụng và cấm sử dụng một cách đúng đắn cần phải quản lý chặt chẽ từ khâu nhập khẩu này. Do đó, việc quản lý nhà nước đối với thuốc bảo vệ thực vật phải đặc biệt chú trọng tới khâu nhập khẩu thuốc. Các cơ quan quản lý xác định rõ ràng danh mục được phép sử dụng, hạn chế sử dụng và cấm sử dụng ở nước ta để giám sát tình hình nhập khẩu thuốc vào thị trường.

Quản lý kinh doanh thuốc BVTV chủ yếu là quản lý kinh doanh ở khu vực kinh tế tư nhân: Nhà nước tạo điều kiện thị trường hóa mặt hàng thuốc BVTV trong khuôn khổ pháp lý, nhiều doanh nghiệp tư nhân được mở ra để sản xuất cũng như buôn bán thuốc BVTV. Việc tạo một hành lang pháp lý vừa thông thoáng vừa chặt chẽ là hết sức cần thiết. Để đáp ứng nhu cầu thuốc BVTV của người nông dân, nhiều cơ sở kinh doanh thuốc BVTV được mở ra và nhanh chóng tăng lên về số lượng. Nhiều cá nhân tham gia cung ứng thuốc BVTV không có đủ điều kiện kinh doanh và chưa tham gia lớp chứng chỉ hành nghề. Một số cá nhân chỉ buôn bán thuốc BVTV với số lượng nhỏ và chỉ bán vào mùa vụ. Điều này dẫn đến việc quản lý phải thường xuyên, liên tục.

1.3. Nội dung quản lý Nhà nước đối với thuốc bảo vệ thực vật

Do những đặc điểm trên, công tác quản lý nhà nước thuốc BVTV tập trung vào các nội dung chủ yếu sau đây:

Xây dựng các quy định, các chính sách về quản lý Nhà nước đối với thuốc bảo vệ thực vật: Các chính phủ xây dựng và công bố các danh mục thuốc bảo vệ được phép sử dụng, hạn chế sử dụng, cấm sử dụng cho từng loại cây trồng cụ thể. Mặt khác, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (sở kế hoạch đầu tư phối hợp với Chi cục BVTV ở tỉnh) ban hành các quy định về kinh doanh thuốc BVTV như: 1)

cấp phép kinh doanh và chứng chỉ hành nghề cho cá nhân tham gia kinh doanh thuốc BVTV; 2) các quy định về kinh doanh các loại thuốc BVTV ở dạng thành phẩm còn hạn sử dụng, có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng. Địa điểm buôn bán thuốc BVTV phải được sự đồng ý bằng văn bản của chính quyền cấp xã, phường; phải xa khu dân cư, trường học, bệnh viện, chợ, nguồn nước, phải đảm bảo an toàn cho người, vật nuôi và môi trường. Cửa hàng thuốc BVTV phải có đầy đủ phương tiện phòng chống cháy nổ. 3) Quy định cho các tổ chức, cá nhân sử dụng thuốc BVTV phải đúng đối tượng, chủng loại, liều lượng, nồng độ quy định, đúng thời gian, thời hạn sử dụng, thời gian cách ly và phạm vi cho phép. Người sử dụng phải sử dụng thuốc theo đúng hướng dẫn ghi trên nhãn. 4) Xử lý thuốc thừa, vỏ bao bì sau khi sử dụng phải vệ sinh môi trường, đúng nơi quy định. Sau mỗi lần phun thuốc, dụng cụ phải được vệ sinh sạch sẽ.

Những nội dung trên được cụ thể hóa thành các Pháp lệnh về Bảo vệ và kiểm dịch thực vật của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Trong văn bản này thuốc BVTV được liệt vào loại hàng hóa hạn chế kinh doanh và kinh doanh có điều kiện; Nhà nước thống nhất quản lý mọi khâu từ sản xuất, xuất nhập khẩu, bảo quản, vận chuyển, buôn bán, sử dụng thuốc BVTV. Ngoài ra, chính sách quản lý thuốc BVTV còn được cụ thể hóa thành các Thông tư 38, 46 và Quyết định số 19 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Các Thông tư và quyết định này quy định về việc cấp chứng chỉ hành nghề sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật, quy định về đăng ký, sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói, xuất khẩu, nhập khẩu, buôn bán, bảo quản, vận chuyển, sử dụng tiêu hủy, nhãn, bao bì, hội thảo, quảng cáo, khảo nghiệm, kiểm định chất lượng và dư lượng thuốc BVTV ở Việt Nam, quy định Danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng, hạn chế sử dụng, cấm sử dụng ở Việt Nam.

Xây dựng bộ máy quản lý Nhà nước đối với thuốc bảo vệ thực vật: Nhà nước quy định cụ thể về các cơ quan, ban ngành chịu trách nhiệm về quản lý thuốc BVTV. Với thuốc BVTV, bộ máy quản lý nhà nước là Cục BVTV ở Trung ương, các chi cục BVTV cấp tỉnh, trạm BVTV ở cấp huyện. Cùng với cơ quan này, còn có các cơ quan Kiểm dịch thực vật, cơ quan Hải quan, các cơ quan quản lý thị trường đều phối hợp thực hiện công tác quản lý nhà nước về thuốc

BVTV. Mặt khác, Ủy ban nhân dân cấp phường xã là tổ chức trực tiếp tham gia quản lý nhà nước về thuốc BVTV ở cơ sở.

Quản lý Nhà nước về kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật: Nhà nước ban hành và thực hiện các quy định pháp luật đối với các cơ sở kinh doanh thuốc BVTV. Các quy định này chỉ rõ điều kiện kinh doanh thuốc BVTV (cấp phép kinh doanh, cấp chứng chỉ hành nghề, địa điểm kinh doanh, trang thiết bị của cửa hàng thuốc, bảo quản và cất giữ thuốc, thực hành trong kinh doanh thuốc BVTV)

Xây dựng và ban hành quy định sử dụng thuốc và quản lý bao bì BVTV: Nhà nước ra các quy định trong sử dụng thuốc BVTV đảm bảo nguyên tắc an toàn, hiệu lực và hiệu quả, sử dụng đúng thuốc, đúng cách, đúng liều lượng và thời điểm. Mặt khác, chính quyền cơ sở xây dựng các quy định cụ thể trong điều kiện của từng địa phương về nơi pha thuốc, cất giữ thuốc, cất giữ bao bì thuốc, xử lý bao bì thu gom được.

Thông tin tuyên truyền về quản lý nhà nước đối với thuốc BVTV: Tuyên truyền là hành động truyền bá thông tin về chính sách, các quy định về quản lý nhà nước đối với thuốc BVTV, nhằm đảm bảo cho các đối tượng liên quan đến thuốc BVTV tuân thủ theo các quy định của pháp luật. Công tác thông tin tuyên truyền ngày càng đóng một vai trò quan trọng trong quá trình triển khai và thực hiện chính sách. Đối tượng thông tin tuyên truyền trước hết là các cán bộ nằm trong bộ máy nhà nước liên quan đến công tác quản lý thuốc BVTV. Thứ hai là các cơ sở kinh doanh thuốc BVTV. Thứ ba là người sử dụng thuốc BVTV. Các hình thức thông tin tuyên truyền như mở các lớp tập huấn, truyền miệng, tờ rơi, áp phích, các phương tiện thông tin đại chúng (báo, truyền hình, internet...).

1.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý nhà nước về thuốc BVTV

Hiệu quả quản lý nhà nước về thuốc BVTV bị ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố sau đây:

Chất lượng và số lượng của các cán bộ quản lý, cán bộ thanh tra: Trình độ học vấn và chuyên môn của các cán bộ quản lý là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý thuốc BVTV. Người có chuyên môn về thuốc BVTV có hiểu biết, có kiến thức về thuốc BVTV (tác dụng, tác hại của thuốc, các loại tên thuốc, thuốc sử dụng đối với sâu

bệnh nào...), được bổ sung cập nhật thường xuyên về đặc điểm, phân loại, tên hóa chất, tên thương mại của các loại BVTV sẽ làm tốt được công tác quản lý nhà nước về thuốc BVTV. Số lượng cán bộ quản lý phải phù hợp với quy mô về đối tượng quản lý (địa bàn, số lượng cửa hàng, khu dân cư).

Nguồn lực tài chính giành cho quản lý nhà nước về thuốc BVTV: Chi phí cho công tác thanh tra kiểm tra thuốc BVTV bao gồm chi phí thành lập đoàn thanh tra, chi phí đi lại, chi phí đầu tư cho các trang thiết bị, công cụ phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra thuốc BVTV và các chi phí khác. Nếu vấn đề tài chính không được đáp ứng một cách thỏa đáng sẽ làm hạn chế đi rất nhiều hiệu quả của công việc.

Mức chế tài xử phạt: Mức chế tài xử phạt có ảnh hưởng lớn đến thái độ tuân thủ luật pháp của các đối tượng trong công tác quản lý thuốc BVTV. Đặc biệt là đối với các cơ sở kinh doanh thuốc, nếu chế tài không thực sự đủ mạnh, người kinh doanh sẽ chạy theo lợi ích kinh tế bởi lợi ích họ có được do buôn bán trái phép lớn hơn nhiều so với mức độ bị xử phạt nếu họ bị đoàn thanh tra phát hiện. Mức độ chế tài xử phạt đưa ra cần phải có sức răn đe đối với các đối tượng vi phạm không tái phạm và làm gương cho các cơ sở khác.

Chế độ đãi ngộ cho các cán bộ: Thuốc BVTV là chất hóa học độc hại. Trong quá trình thanh tra, cán bộ BVTV phải tiếp xúc nhiều tới những hóa chất đó, gây ảnh hưởng đến sức khỏe. Môi trường làm việc độc hại thường có ảnh hưởng tiêu cực tới thái độ làm việc và sự nhiệt tình trong công việc. Để bù đắp lại cần phải có chế độ đãi ngộ hợp lý cho cán bộ BVTV, chẳng hạn như phụ cấp thêm vào tiền lương khi đi thanh tra. Tuy nhiên, cũng cần phải cân nhắc mức phụ cấp sao cho hợp lý để tránh tình trạng tiêu cực trong quản lý. Đồng thời chế độ đãi ngộ ở đây bao gồm cả chế độ tiền lương, khen thưởng, để khích lệ tinh thần làm việc của các cán bộ, tạo sự phấn đấu cho các cán bộ, nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

Trình độ học vấn của chủ các cơ sở kinh doanh thuốc BVTV: Chủ các cơ sở kinh doanh thuốc có trình độ học vấn, chuyên môn về thuốc BVTV có thể tiếp thu được các chính sách mới của Nhà nước, dễ dàng thực hiện các quy định của Nhà nước như có thể phân biệt thuốc ngoài danh mục, thuốc cấm, thuốc lậu; tư vấn cho người nông dân đúng thuốc

đúng bệnh, sử dụng đúng cách.

Nhận thức của người nông dân: Người nông dân có nhận thức về thuốc BVTV, được tập huấn về thuốc BVTV sẽ biết sử dụng thuốc theo quy tắc 4 đúng, đảm bảo an toàn khi phun thuốc, xử lý bao bì đúng quy định. Từ đó nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về thuốc BVTV.

Sự phối hợp giữa các cơ quan tổ chức: Công tác quản lý nhà nước đối với thuốc BVTV cần một hệ thống các cơ quan từ trung ương xuống địa phương. Mỗi cơ quan đảm nhiệm một vai trò, chức năng và nhiệm vụ nhất định. Tuy nhiên, để có thể thực hiện được thông suốt công tác quản lý thuốc BVTV cần phải có sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan, ban ngành liên quan.

Cơ sở trang thiết bị để quản lý và xử lý bao bì thuốc BVTV: Để tạo điều kiện cho người nông dân thực hiện đúng quy định về xử lý bao bì thuốc BVTV sau khi sử dụng thì việc đầu tư về cơ sở hạ tầng của địa phương là hết sức cần thiết. Đặc biệt là việc xây dựng các bể chứa vò, bao bì thuốc BVTV và xây dựng một khu vực chuyên thu gom và xử lý các vò bao bì thuốc BVTV sau khi sử dụng. Đảm bảo vệ sinh an toàn, không gây ô nhiễm môi trường.

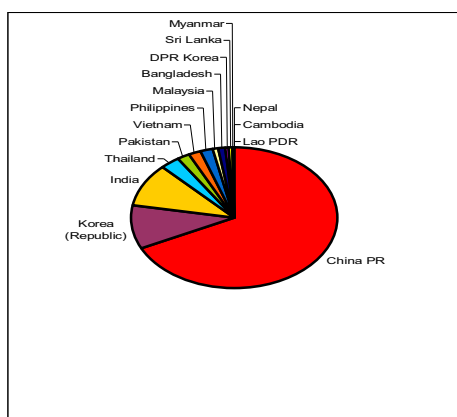
Công tác thông tin tuyên truyền, tập huấn: Công tác thông tin tuyên truyền tập huấn nhằm nâng cao nhận thức của người nông dân, phổ biến các chính sách quy định về pháp luật của Nhà nước đến các đối tượng liên quan đến công tác quản lý thuốc BVTV. Công tác tập huấn tốt giúp người nông dân hiểu thêm về cách sử dụng thuốc BVTV và xử lý bao bì sau khi sử dụng cho đúng; biết bảo hộ lao động khi phun thuốc và vệ sinh cá nhân sạch sẽ sau khi phun. Giúp cho chủ các cơ sở kinh doanh nắm được các quy định về điều kiện kinh doanh thuốc BVTV của cơ sở mình. Công tác thông tin tuyên truyền còn làm tăng khả năng nắm bắt và cung cấp thông tin kịp thời. Nắm bắt thông tin nhanh luôn là một điều cần thiết trong công việc.

2. Kinh nghiệm quản lý thuốc BVTV ở một số nước

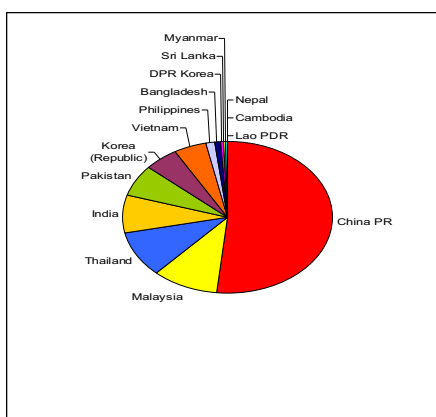
2.1. Tình hình sử dụng thuốc BVTV

Trong những năm gần đây, tổng giá trị tiêu thụ thuốc BVTV trên thế giới tăng lên không ngừng, số chủng loại ngày càng phong phú. Doanh số của thị trường thuốc BVTV thế giới đã tăng từ khoảng 13 tỷ USD (1980) lên đến 38 tỷ USD (2008). Riêng

Đồ thị 1: Giá trị thuốc BVTV dùng hàng năm ở châu Á



Đồ thị 2: Lượng thuốc BVTV dùng hàng năm ở Châu Á



Châu Á năm 2006 đã sử dụng tới 8,3 tỷ đô la và và 500.000 tấn (FAO, 2006), trong đó, Trung Quốc chiếm tỷ trọng lớn nhất cả về lượng và giá trị (Đồ thị 1 và 2).

Ở các quốc gia trên thế giới, việc sản xuất, kinh doanh, buôn bán và sử dụng thuốc BVTV được kiểm soát chặt chẽ bởi các cơ quan quản lý nhà nước của từng quốc gia. Mỗi chính phủ ban hành các quy định về quản lý thuốc BVTV riêng, phù hợp với điều kiện của mỗi quốc gia. Các chính phủ đều có xu hướng thiết lập cơ chế quản lý riêng của mình tuy nhiên đều hướng tới mục đích quản lý hiệu quả thuốc BVTV về việc sản xuất đảm bảo chất lượng đáp ứng yêu cầu thị trường và sự biến đổi phát triển của sâu bệnh, ngăn cấm xuất nhập khẩu trái phép, hoạt động kinh doanh đảm bảo kỉ cương quy định; nâng cao năng suất cây trồng và thu nhập của người nông dân; đồng thời bảo vệ môi trường sức khỏe của người tiêu dùng.

Lượng thuốc dùng hàng năm càng nhiều càng tạo ra nhiều nguy cơ rủi ro cho con người và môi trường. Trên thế giới mỗi năm có khoảng 3 triệu ca nhiễm độc nghiêm trọng liên quan đến hóa chất BVTV, gây ra 220.000 ca tử vong và khoảng 25 triệu lao động trong ngành nông nghiệp bị nhiễm độc hóa học BVTV (Tổ chức y tế thế giới WHO, 2006). Năm 2000, Bộ Y tế Braxin ước tính trong một năm nước này có khoảng 300.000 ca nhiễm độc và 5000 ca tử vong do thuốc BVTV, ở Indonexia 21% trong số các ca liên quan đến hóa chất BVTV có những dấu hiệu hay triệu chứng về tâm thần, hô hấp và tiêu hóa. Trong một cuộc khảo sát của Liên Hợp Quốc, 88% nông dân Campuchia sử dụng thuốc BVTV đã từng có triệu chứng nhiễm độc

(Ngô Thanh Hà, 2007). Kết quả cho thấy, độc hại thuốc BVTV không chỉ ở một vài nước mà nhiều nơi trên thế giới đều bị và nhất là các nước có nền nông nghiệp là chính. Trước tình hình kể trên, công tác quản lý Nhà nước về thuốc BVTV càng trở nên bức thiết. Dưới đây là mô hình quản lý nhà nước về thuốc BVTV ở một số quốc gia trong khu vực Châu Á có khí hậu tương đối giống với Việt Nam.

Trung Quốc là nước dùng nhiều thuốc BVTV nhất thế giới. Trung Quốc đã được thiết lập bộ máy quản lý nhà nước về thuốc BVTV từ năm 1963. Cục Quản lý Nông dược Trung Quốc – Institute for the control of Agrichemical (ICAMA) – là đơn vị trực thuộc Bộ Nông nghiệp Trung Quốc có cả ở cấp Trung ương (90 người) và 29 chi nhánh với 206 người ở các địa phương. Dưới ICAMA là các thành tra ở các tỉnh và thành phố. ICAMA chịu trách nhiệm xem xét việc đăng ký thuốc BVTV của các công ty kinh doanh thuốc hóa học BVTV, đánh giá các hoạt chất BVTV mới tạo ra của các đơn vị nghiên cứu, tiến hành khảo nghiệm hiệu lực sinh học của các loại thuốc xin đăng ký. Cơ quan này bao gồm 10 phòng chức năng: đăng ký, hóa học, dư lượng, kiểm tra, sinh học, thanh tra, tổng hợp, tài chính, thông tư, tư vấn, hành chính và mạng lưới các đơn vị trực thuộc ở các địa phương.

Ở Philippine tất cả các loại hóa chất BVTV đều phải đăng ký với Cục quản lý thuốc hóa học BVTV và phân bón (Fertilizer and pesticides Department (FPD)). Việc đăng ký và quản lý thuốc BVTV do FPD phụ trách. FPD đã thiết lập một cơ quan liên hợp bao gồm nhiều chuyên gia trong nước hoạt động ở nhiều lĩnh vực khác nhau có liên quan tới thuốc BVTV. Hoạt động của các chuyên gia này đều

được tiến hành dưới sự sắp xếp của FPD. Ở Philippines các số liệu đánh giá được thu thập từ các cơ quan chuyên môn và các đơn vị nghiên cứu khoa học khác nhau. Khi cần thiết các cơ quan khác có thể tiếp cận tư vấn và cho ý kiến chuyên môn. Cách thức hoạt động hệ thống này vừa bảo đảm sự kiểm tra sâu sát nhằm ngăn chặn sự chòng chẹo lại vừa tránh lãng phí không cần thiết. Chính phủ Philippines quy định tất cả các thuốc BVTV đăng ký đều phải đáp ứng những chỉ tiêu dựa trên tiêu chuẩn quốc tế. Những chỉ tiêu phải thỏa mãn cơ quan quản lý thuốc bao gồm những dẫn liệu về cấu tạo của sản phẩm, các đặc tính lý hóa, số liệu về độc tính, độ an toàn cho con người, mức độ ảnh hưởng đến môi trường, quá trình chuyển hóa trong điều kiện tự nhiên, vấn đề dư lượng.

Malaysia ban hành Đạo luật thuốc hóa học BVTV từ 1974, và trên cơ sở của đạo luật này có Luật về thuốc hóa học BVTV (1976), Luật về thuốc hóa học BVTV trong giáo dục và nghiên cứu (1981), quy định về nhãn mác hàng hóa (1984), luật về ban hành giấy phép kinh doanh và bảo quản thuốc hóa học BVTV trong buôn bán (1988), Đạo luật về quảng cáo thuốc hóa học BVTV (1996), Quy định về quản lý thuốc BVTV có độc tính cao (1996). Ở Malaysia, phòng kiểm soát thuốc hóa học BVTV nằm trong Cục Nông nghiệp là bộ phận theo dõi việc đăng ký và sử dụng thuốc hóa học BVTV. Các Ủy ban kỹ thuật và thanh tra là những bộ phận trực thuộc có trách nhiệm về quản lý thuốc hóa học BVTV. Hội đồng thuốc BVTV bao gồm những người đứng đầu các Cục có liên quan. Là cơ quan

quyết định chính sách về thuốc BVTV. Hội đồng này tổ chức họp 6 tháng một lần. Ủy Ban kỹ thuật thuốc hóa học BVTV bao gồm các đại diện của các Cục có liên quan chịu trách nhiệm về các vấn đề có liên quan đến thuốc BVTV, trong đó có vấn đề đăng ký.

2.2. Một số bài học được rút ra từ thực tiễn quản lý thuốc bảo vệ thực vật

Từ nghiên cứu thực tiễn quản lý nhà nước về thuốc BVTV ở một số nước ở trên, có thể rút ra những bài học kinh nghiệm cho quản lý nhà nước về thuốc BVTV ở nước ta. Các bài học đó là:

Coi trọng việc quản lý thuốc BVTV nhằm đảm bảo cho thuốc BVTV được sử dụng đúng liều lượng, đối tượng, giảm thiểu rủi ro cho sản xuất, con người và môi trường.

Luật hóa các quy định về sản xuất thuốc BVTV, thương mại và kinh doanh và sử dụng thuốc. Các quy định này được bổ sung, cập nhật thường xuyên trong từng quý, từng năm.

Hình thành bộ máy quản lý nhà nước rất chặt chẽ từ Trung ương tới địa phương. Trong đó ngành nông nghiệp là chủ trì và có sự phối kết hợp của cơ quan y tế, môi trường, nghiên cứu khoa học để tư vấn hình thành các tiêu chuẩn, quy định về quản lý thuốc BVTV.

Hàng năm, giành thích đáng chi tiêu công cho đầu tư nguồn lực (nhân lực, tài chính và thiết bị) để quản lý thuốc BVTV. □

Tài liệu tham khảo:

1. Bộ NN và PTNT, 2010, Quyết định Số 19/2005/QĐ-BNN về danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng trên rau ở Việt Nam, Hà Nội.
2. Bộ NN và PTNT, 2010, Thông tư số 19/2012/TT-BNNPTNT của Bộ NN và PTNT quy định về danh mục thuốc BVTV, Hà Nội.
3. Bộ NN và PTNT, 2010, Thông tư Số 38/2010/TT-BNNPTNT về Quy định về Quản lý thuốc BVTV, Hà Nội.
4. Bộ NN và PTNT, 2010, Thông tư Số 46/2010/TT-BNNPTNT về việc ban hành Danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng, hạn chế sử dụng, cấm sử dụng ở Việt Nam, Hà Nội.
5. Cục BVTV, 2010, Tình hình sản xuất và kinh doanh thuốc BVTV, Hà Nội.
6. Cục y tế dự phòng, 2009, Tình hình nhiễm độc thực phẩm trong thời gian qua, Hà Nội.
7. FAO, 2006, Thống kê tình hình sử dụng thuốc BVTV ở các nước châu Á, Rome.
8. Ngô Thanh Hà, 2007, Rủi ro sử dụng thuốc BVTV ở một số nước, Thông tin nội bộ ngành BVTV.
9. Tổ chức y tế thế giới WHO, 2006, Tình hình ngộ độc thuốc BVTV ở các Châu lục, Rome.